

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1144/2023/HC-PT

Ngày: 06/12/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Trung

Các Thẩm phán:

1. Ông Đào Hồng Cảnh

2. Bà Đỗ Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/11/2023 và 06/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
07/2023/HCPT ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính”.

Do Bản án hành chính số 06/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của
Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4900/2023/QĐ-PT
ngày 23 tháng 10 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số
15798/2023/QĐPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: **Ông Nguyễn Văn N**

Địa chỉ: Đ, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, Thành
phố Hồ Chí Minh.**

Địa chỉ: Đường T, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công L1 – Phó Chủ tịch Ủy
ban nhân dân xã L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Thanh T – Công chức
Địa chính – Xây dựng – Nông nghiệp và Môi trường xã L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm quản lý các di tích lịch sử và Dịch vụ văn hóa huyện B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Văn L2.

Địa chỉ: L, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn N - người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Năm 2001, ông Nguyễn Văn N nhận sang nhượng hợp đồng thuê đất từ ông Huỳnh Văn T. Sau đó, Khu du lịch Bát Bửu Phật Đài (sau đó đổi tên là Công viên văn hóa Láng Le đến nay là Trung tâm Quản lý các Di tích lịch sử và Dịch vụ văn hóa huyện B) ký hợp đồng cho thuê mặt bằng với ông Nguyễn Văn N. Hiện trạng khi ông Nguyễn Văn N nhận bàn giao từ ông Huỳnh Văn T sang cho ông Nguyễn Văn N, một bên sát chùa thì lát gạch tàu, bên sát thửa 55 thì lót sàn gỗ, vách và mái thì vừa tôn vừa lá. Trong quá trình sử dụng ông Nguyễn Văn N có xin san lấp, gửi giấy tờ xin san lấp lên chính quyền rồi mới tiến hành nâng nền bởi vì hàng năm đều ngập sâu đến đầu gối. Từ năm 2001, đến nay ông Nguyễn Văn N có xây dựng thêm kho, nhà vệ sinh và mới đây nhất là ông Nguyễn Văn N có làm lại phòng tiền chế, xây gạch, cột sắt, mái tôn trên diện tích 262,55 m².

Đối với Biên bản bàn giao mốc giới ngày 16/11/2022 mà người bị kiện cung cấp cho Tòa án thì ông Nguyễn Văn N đồng ý về diện tích đất ông Nguyễn Văn N đang quản lý sử dụng, nhưng ông N không đồng ý về vị trí con mương.

Theo Quyết định số 951/QĐ-KPHQ ngày 05/12/2022 (sau đây gọi là Quyết định số 951) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ghi nhận ông Nguyễn Văn N có hành vi vi phạm là làm lều, quán, tường, xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, tổng diện tích xây dựng là 262,55m², kết cấu cột cây, vách gạch, mái tole; thuộc kế thửa 55 tờ bản đồ số 4, tờ 9, ấp 1, xã L, huyện B và buộc ông Nguyễn Văn N khôi phục tình trạng ban đầu trước khi vi phạm. Ngày 04/01/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 09/QĐ-CCXP đối với ông N (sau đây gọi là Quyết định số 09).

Ông Nguyễn Văn N cho rằng Quyết định số 951 không đúng pháp luật ở những nội dung sau:

- Sai về người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính: Quyết định số 951 căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính số 20/BB-VPHC về vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đề điều do Công chức địa chính – xây dựng lập ngày 29/11/2022. Lĩnh vực này không thuộc thẩm quyền của Công chức địa chính - xây dựng, do đó Công chức địa chính – xây dựng không có quyền lập biên bản đối với ông Nguyễn Văn N.

- Sai về lĩnh vực phạt, căn cứ pháp lý: Ông Nguyễn Văn N cho rằng nếu ông Nguyễn Văn N có xây dựng công trình vi phạm, thì áp dụng pháp luật về đất đai, Luật xây dựng để làm căn cứ xử phạt ông Nguyễn Văn N. Thế nhưng quyết định số 951 áp dụng căn cứ pháp lý trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đề điều để xử phạt ông Nguyễn Văn N là không đúng. Tại vì vị trí công trình của ông Nguyễn Văn N là không có kênh mương, đề điều.

- Sai về xử phạt không có căn cứ: Phần đất và công trình xây dựng trên đất này do ông Nguyễn Văn N nhận sang nhượng từ năm 2001, và ông Nguyễn Văn N sử dụng ổn định đến nay đã hơn 20 năm, trên đất là mặt bằng, không có mương rạch thủy lợi gì cả. Do vậy Quyết định số 951 cho rằng ông Nguyễn Văn N làm lều quán, tường, xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi là hoàn toàn không chính xác.

Do đó ông N yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định số 951/QĐ-KPHQ ngày 05/12/2022 và Quyết định số 09/QĐ-CCXP ngày 04/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L.

** Người đại diện hợp pháp của người bị kiện – ông Huỳnh Công L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L trình bày:*

- Vị trí và nguồn gốc pháp lý thửa đất: Tại vị trí thuộc kế thừa đất số 55, tờ bản đồ số 4 (tương ứng phần diện tích vi phạm nằm hoàn toàn trên phần mương theo Tài liệu bản đồ Bản đồ địa chính), thuộc tổ 9 ấp 1, xã L, huyện B.

- Quá trình xử lý vi phạm: Ngày 29 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân xã L lập biên bản vi phạm hành chính số 20/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Văn N do có hành vi làm lều, quán, tường; xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi đất thuộc mương (do nhà nước trực tiếp quản lý) kế thừa 55, tờ bản đồ số 4 (tài liệu BĐĐC), diện tích 262,55m² kết cấu: cột gỗ, vách gạch, mái tôn nền đất. Đến ngày 05 tháng 12 năm 2022, Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định số 951/QĐ-KPHQ về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn N. Ngày 04 tháng 01 năm 2023, Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định số 09/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn N.

Tại vị trí khu đất này ông Nguyễn Văn N đã thuê lại của Công viên Văn hóa Láng le và đã hết hợp đồng thuê mặt bằng. Mặt khác vị trí Ủy ban nhân dân xã xử lý của ông Nguyễn Văn N theo tài liệu bản đồ địa chính là đất mương do nhà nước trực tiếp quản lý, không phải là đất thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn N, cũng không phải là đất thuộc sở hữu của Trung tâm quản lý các Di tích lịch sử và Dịch vụ văn hóa huyện B.

Ủy ban nhân dân xã L, căn cứ: Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật đất đai, căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 24 Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đề điều. Mặt khác ông Nguyễn Văn N không có cung cấp được hồ sơ pháp lý hợp pháp về quyền sở hữu khu đất, kiến nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Đồng thời, Ủy

ban nhân dân xã sẽ tiến hành cưỡng chế công trình vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính thì phía người bị kiện khẳng định thuộc chức năng nhiệm vụ của công chức địa chính, xây dựng, nông nghiệp và môi trường theo Quyết định phân công số 736/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L;

- Về việc diện tích 262,55 m² là kênh mương thể hiện qua các nền tài liệu bản đồ 299/TTg; Còn đối với tài liệu 02/CT-UB thì không thực hiện đo vẽ tại khu vực này nên không có; Tài liệu bản đồ địa chính thì diện tích đất này có vị trí là con mương.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Trung tâm quản lý các Di tích lịch sử và Dịch vụ văn hóa huyện B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Ngày 24/5/2023, Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm vụ án tại Bản án số 06/2023/HC-ST, có nội dung chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N: Hủy một phần các quyết định: Quyết định số 951/QĐ-KPHQ ngày 05/12/2022 và Quyết định số 09/QĐ-CCXP ngày 04/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L. Cụ thể: Hủy phần diện tích 36,55m² do không nằm trong mương nước trong diện tích 262,55m² tại Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 951 và Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 09. Giữ nguyên phần diện tích nằm trong mương nước là 226m² (Theo Bản vẽ Hiện trạng vị trí số Hợp đồng 68/2023/TTKD-BC do Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên – môi trường lập với phần Diện tích nằm trong mương nước). Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

* Ngày 05/6/2023, ông N có Đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Không đồng ý kháng cáo của ông N, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của ông N: Đề nghị bác kháng cáo của ông N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm quản lý các di tích lịch sử và Dịch vụ văn hóa huyện B vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Xét tính hợp lệ của kháng cáo:

Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST của Tòa án nhân dân huyện B tuyên ngày 24/5/2023. Ông N kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ.

Tòa án nhân dân huyện B tiến hành thông báo việc kháng cáo đến các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại Điều 210 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2.2] Về nội dung kháng cáo:

Ông N yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy toàn bộ Quyết định số 951/QĐ-KPHQ ngày 05/12/2022 và Quyết định số 09/QĐ-CCXP ngày 04/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân xã L lập biên bản vi phạm hành chính số 20/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Văn N do có hành vi làm lều, quán, tường; xây dựng các công trình tạm trong phạm vi bảo vệ của công trình thủy lợi đất thuộc nương (do nhà nước trực tiếp quản lý) kế thửa 55, tờ bản đồ số 4 (tài liệu BĐĐC), diện tích **262,55m²** kết cấu: cột gỗ, vách gạch, mái tôn nền đất. Ngày 05 tháng 12 năm 2022, Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định số 951/QĐ-KPHQ về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn N. Ngày 04 tháng 01 năm 2023, Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định số 09/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn N.

Xét Bản vẽ Hiện trạng vị trí số Hợp đồng 68/2023/TTKD-BC do Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên – môi trường lập ngày 05/5/2023 thể hiện: Khuôn viên nhà đất ông N đang sử dụng có tổng diện tích là 277,1m²; trong đó diện tích thuộc nương nước là **226m²** (Tài liệu bản đồ địa chính).

Nhận thấy, diện tích vi phạm tại Quyết định số 951/QĐ-KPHQ ngày 05/12/2022 và Quyết định số 09/QĐ-CCXP ngày 04/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L vượt quá diện tích nương nước, cụ thể: $262,55\text{m}^2 - 226\text{m}^2 = 36,55\text{m}^2$.

Như vậy, Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N về hủy một phần Quyết định số 951/QĐ-KPHQ ngày 05/12/2022 và Quyết định số 09/QĐ-CCXP ngày 04/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, tại phần ngoài ranh nương nước (36,55m²) là có cơ sở.

Về chi phí tố tụng và xử lý tiền tạm ứng chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 13.062.602 đồng, ông Nguyễn Văn N đã tạm ứng số tiền 13.062.602 đồng. Yêu cầu của ông Nguyễn Văn N được chấp nhận một phần. Do đó, ông N phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần không được chấp nhận. Phía người bị kiện phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn N được chấp nhận, cụ thể là 1.818.465 đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L có nghĩa vụ hoàn trả ông Nguyễn Văn N số tiền 1.818.465 đồng.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, Điều 116, Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Khoản 3, Khoản 6 Điều 2, Điều 40 Luật Thủy lợi; Điều 28, 85, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Hủy một phần các quyết định: Quyết định số 951/QĐ-KPHQ ngày 05/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, TP. Hồ Chí Minh và Quyết định số 09/QĐ-CCXP ngày 04/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, TP. Hồ Chí Minh. Cụ thể: Hủy phần diện tích 36,55m² do không nằm trong mương nước trong diện tích 262,55m² tại Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 951 và Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 09. Giữ nguyên phần diện tích nằm trong mương nước là 226m² (*Theo Bản vẽ Hiện trạng vị trí số Hợp đồng 68/2023/TTKD-BC do Trung tâm kiểm định bản đồ và tư vấn tài nguyên – môi trường lập với phần Diện tích nằm trong mương nước*).

Về chi phí tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 1.818.465 đồng.

Về án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0042374 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0019835 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Trung